

Số: 38/2020/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 23 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

*Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ Công thương
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012
của Bộ Công thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số
45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính
hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;*

*Xét Tờ trình số 3110/TTr-UBND ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn
tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân
dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức
chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh,
Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp
với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức

chính trị xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VII, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2020, có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ Công Thương; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng

QUY ĐỊNH

**Nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Quy định các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;
- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn;
- Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 2. Ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công

- Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.
- Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.
- Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ sản xuất gạch đất sét nung).
- Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, linh kiện; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.
- Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp.
- Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp.

Điều 3. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến công

- Đúng ngành nghề sản xuất và nội dung hỗ trợ theo quy định.

- Nội dung đăng ký hỗ trợ khuyến công chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

- Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án khuyến công đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Có đề án khuyến công theo quy định.

Điều 4. Nguyên tắc ưu tiên

1. Địa bàn ưu tiên

- Các địa bàn được ưu tiên theo thứ tự: huyện đảo Côn Cỏ, huyện Đakrông và Hướng Hóa (nhóm 1); Các huyện: Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Triệu Phong và Hải Lăng (nhóm 2); Thị xã Quảng Trị và thành phố Đông Hà (nhóm 3).

- Các xã điểm trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

2. Ngành nghề ưu tiên

- Sản xuất các sản phẩm trong danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực, công nghiệp trọng điểm của tỉnh được phê duyệt, các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh được bình chọn, các sản phẩm đã có hợp đồng xuất khẩu hoặc sản xuất sản phẩm phục vụ cho xuất khẩu, sản phẩm thay thế bao bì đóng gói bằng nhựa, nilong.

- Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên vật liệu tại chỗ (nguyên vật liệu chính để sản xuất được thu mua trên địa bàn tỉnh chiếm trên 50% giá trị nguyên vật liệu sử dụng).

- Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; Công nghiệp cơ khí, hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp hỗ trợ.

3. Các lĩnh vực ưu tiên khác

- Các đề án hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Các đề án đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thuộc các chương trình, quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các đơn vị có đề án và sử dụng tối thiểu từ 20 lao động trở lên đối với thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị; 10 lao động đối với huyện Đảo Côn Cỏ và 15 lao động trở lên đối với các huyện còn lại. Trường hợp sử dụng lao động là người khuyết tật thì 01 người khuyết tật được tính bằng 02 người bình thường.

- Các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường trong khu dân

cư có cam kết di dời vào các khu, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp-làng nghề.

4. Nguyên tắc xét ưu tiên: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể.

Điều 5. Các nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công

1. Hỗ trợ khởi sự, thành lập và nâng cao năng lực cơ sở công nghiệp nông thôn

- Tư vấn lập dự án đầu tư, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

- Thuê tư vấn quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực - marketing; tư vấn công nghệ - thiết bị mới; tư vấn, hướng dẫn về chính sách đất đai, chính sách ưu đãi đầu tư, khoa học công nghệ, tài chính - tín dụng, các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, môi trường tại doanh nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 80% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

- Tổ chức các lớp đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp. Mức chi áp dụng theo Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch - Đầu tư Hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và một phần đóng góp của doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/hội, chi hội và không quá 50 triệu đồng/hiệp hội;

- Hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/cụm liên kết.

2. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến và phát triển sản phẩm mới

- Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất hay sản xuất sản phẩm mới nhằm nhân rộng mô hình. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình.

- Nhận chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất tiên tiến; đổi mới, ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở.

- Phổ biến tuyên truyền, nhân rộng các cơ sở đang hoạt động có hiệu quả để các tổ chức cá nhân khác học tập. Mức hỗ trợ tối đa không quá 80 triệu

đồng/mô hình.

3. Hỗ trợ đào tạo lao động

Các cơ sở có nhu cầu đào tạo (tối thiểu 20 lao động đối với thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị; 10 lao động đối với huyện Đào Cồn Cỏ và 15 lao động đối với các huyện còn lại. Trường hợp lao động là người khuyết tật thì 01 người được tính bằng 02 người) gắn với việc sử dụng lao động sau đào tạo. Việc đào tạo lao động được thực hiện theo hình thức đào tạo nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành và được hỗ trợ tối đa 06 tháng/khóa đào tạo:

- Đào tạo nghề tại các cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

- Đào tạo theo hình thức gửi lao động đi đào tạo tại các tỉnh, thành trong nước. Mức hỗ trợ tối đa 800.000 đồng/người/tháng.

- Đối với các nghệ nhân mở các lớp dạy nghề, truyền nghề cho lao động địa phương. Mức hỗ trợ tối đa 300.000 đồng/người/tháng nhưng không quá 1.000.000 đồng/người/khóa đào tạo.

4. Hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp

- Tư vấn, đánh giá sản xuất sạch hơn và áp dụng kỹ thuật sản xuất sạch hơn cho các cơ sở. Mức hỗ trợ tối đa 80% chi phí nhưng không quá 40 triệu đồng/cơ sở.

- Áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở.

- Tổ chức tập huấn, hội thảo, tuyên truyền, phát hành các tài liệu, tờ rơi, ấn phẩm nhằm nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp. Mức chi áp dụng thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và chế độ tài chính hiện hành.

5. Hỗ trợ về bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp

Tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu; In ấn, đóng gói sản phẩm ban đầu; Xây dựng, đăng ký bảo hộ, quản lý, phát triển, tuyên truyền quảng bá nhãn hiệu, thương hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/thương hiệu, nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp.

6. Hỗ trợ về thị trường, tiêu thụ sản phẩm

- Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông

thôn tại trong nước và nước ngoài. Hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, vận chuyển, trình diễn sản phẩm, tuyên truyền, tổ chức, trang trí, khánh tiết, Ban tổ chức.

- Cơ sở tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước được hỗ trợ tối đa 80% chi phí thuê gian hàng và 50% chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ.

- Các cơ sở công nghiệp nông thôn, tổ chức dịch vụ khuyến công đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, làng nghề. Mức hỗ trợ tất cả các chi phí liên quan hình thành điểm trưng bày tối đa 40 triệu đồng/phòng trưng bày.

- Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Mức chi tối đa đối với cấp tỉnh là 150 triệu đồng/lần, cấp huyện 50 triệu đồng/lần. Giải thưởng cho các sản phẩm được chứng nhận cấp tỉnh tối đa 5 triệu đồng/sản phẩm, cấp huyện 3 triệu đồng/sản phẩm.

7. Hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường

- Lập quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp và không quá 200 triệu đồng/điểm công nghiệp - làng nghề.

- Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 40% nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư thực hiện di dời vào các khu, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề. Việc hỗ trợ áp dụng sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn hoàn thành việc đầu tư di dời và đi vào hoạt động sản xuất. Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp cơ sở không sử dụng vốn vay thì mức hỗ trợ tối đa 30% kinh phí để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở.

8. Quản lý chương trình, đề án khuyến công và nâng cao năng lực thực hiện hoạt động khuyến công

- Xây dựng các chương trình, đề án, quản lý chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu các đề án khuyến công. Mức chi áp dụng theo Khoản 22 Điều 8 Chương II Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/03/2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

- Xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công;

- Tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước về hoạt động khuyến công cho cán bộ quản lý và doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh; tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá, tổng kết hoạt động khuyến công;

- Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp; trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu về hoạt động khuyến công và ngành công thương;

- Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh và cán bộ khuyến công cấp huyện;

Nội dung và kinh phí thực hiện cụ thể do cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

9. Chính sách về khen thưởng

Hàng năm và từng giai đoạn 05 năm, các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh được xem xét, đề nghị khen thưởng. Mức chi khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 6. Kinh phí khuyến công

Kinh phí khuyến công địa phương sử dụng nguồn ngân sách trên địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

1. Kinh phí khuyến công cấp tỉnh (ngân sách tỉnh):

- Giai đoạn 2021 - 2025: Dự kiến tổng kinh phí là 16.480 triệu đồng, bình quân 3.296 triệu đồng/năm.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Dự kiến mức tăng bình quân 10%/năm;

2. Kinh phí khuyến công cấp huyện (ngân sách các huyện, thị xã, thành phố):

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tổng kinh phí dự kiến giai đoạn là 13.500 triệu đồng. Bình quân mỗi năm các huyện, thị xã, thành phố bố trí từ 200 - 400 triệu đồng/huyện để thực hiện các đề án khuyến công cấp huyện.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Tùy theo điều kiện ngân sách của từng địa phương, dự kiến mức tăng bình quân 10 - 12%/năm.

Hàng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách mỗi cấp để bố trí kinh phí khuyến công đảm bảo năm sau cao hơn năm trước. Ngoài ra, kết hợp huy động thêm nguồn kinh phí từ các nhà tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để thực hiện chính sách.

Điều 7. Tổ chức hệ thống khuyến công

1. Cấp tỉnh: Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công thương tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

2. Cấp huyện: Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp và Khuyến công/Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp - Khuyến công và Dịch vụ công ích/Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp - Khuyến công và Dịch vụ du lịch biển các huyện, thị xã, thành phố là đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện thực hiện nhiệm vụ khuyến công trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Văn Hùng**